Họ và tên:

Lớp :.....Trường

PHIẾU HỌC TẬP

Chào mừng các em đến với tiết học kết nối giữa trường THCS số 2 Xuân Quang -THCS số 1 Gia Phú.

NỘI DUNG 1: ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

Các em hãy kéo và thả dấu câu tương ứng với công dụng vào bảng thống kê sau;

Dấu chấm | Dấu phẩy | Dấu chấm hỏi | Dấu ba chấm | Dấu chấm than | Dấu hai chấm

Dấu ngoặc kép | Dấu gạch gang | Dấu ngoặc đơn | Dấu chấm phẩy

	Dấu câu	Công dụng
☐		Đặt cuối câu trần thuật
☐		Đặt cuối câu nghi vấn
☐		Đặt cuối câu cầu khiến và câu cảm thán.
☐		Dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận câu. Cụ thể: - Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ; - Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ ngữ pháp; - Giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó; -Giữa các vế của một câu ghép.
☐		Dùng để: - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết; - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.
☐		Dùng để: - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp; - Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.
☐		- Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê; - Nối các từ nằm trong một liên danh.
☐		Dùng để đánh dấu phần chú thích. Cụ thể là đánh dấu: - Phần giải thích; - Phần thuyết minh; - Phần bổ sung thêm.
☐		Dùng để: - Báo trước phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó ; - Báo trước lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang).
☐		Dùng để: - Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp; - Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai; - Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.

LIVEWORKSHEETS

NỘI DUNG 2: ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

Nối cột A với cột B cho phù hợp

Tên BPTT (A)	Nối	Khái niệm (B)
Ẩn dụ		là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt. - *Anh em như thể tay chân* (Tục ngữ)
So sánh		• là sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn, thể hiện tình cảm của người nói, người viết. • VD. *Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm* *Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.* (Quê hương – Tế Hanh)
Hoán dụ		• là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác *có nét tương đồng* với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. *VD. Thuyền về có nhớ bến chăng* *Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.* (Ca dao)
Nhân hoá		• là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác *có quan hệ gần gũi* với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. *VD.* *Áo chàm đưa buổi phân li* *Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.* *(Việt Bắc – Tố Hữu)*
Nối giảm, nói tránh		• Là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. • *Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội* *Dơ bẩn thay,nước Đông hải không rửa sạch mùi"* *(Bình Ngô đại cáo -Nguyễn Trãi*
Nói quá		• là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. *VD.* *"Bác đã đi rồi sao Bác ơi!"* *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.* *(Bác ơi – Tố Hữu)*
Chơi chữ		• là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc… và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản. • VD. *Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua.* *Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già.* (Vội vàng – Xuân Diệu)
Liệt kê		• là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,…. làm câu văn hấp dẫn và thú vị. VD. *Con cá đối bỏ trong cối đá* *Con mèo cái nằm trên mái kèo* *Mênh mông muôn mẫu một màu mưa* *Mải miết miên man mãi mịt mờ.* (Câu đố dân gian)
Điệp ngữ		• là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm • Các kiểu liệt kê: + Liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến. + Liệt kê từng cặp và liệt kê không theo từng cặp. • *.Hỏi nhỏ **sông** với **đồng*** *Với sông rồi với **bể*** *Hỏi chiến tranh ở **rừng*** *Vắng trăng thành tri kỉ* **(Ánh trăng – Nguyễn Duy)**

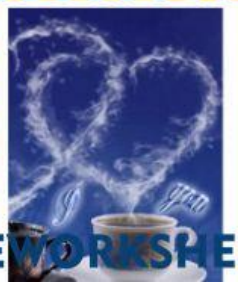

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS